

Công Ty TNHH SX TM DV XNK Lâm Gia có MST 0317861223 chuyên sản xuất gia công túi xách thời trang nữ có Doanh thu năm 2021 trên 50 tỷ, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá xuất kho theo PP bình quân cả kỳ dự trữ, khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng (đvt: đồng).

I. Số dư cuối kỳ năm 2021 như sau:

1. Tiền mặt:	300,000,000
2. Tiền gửi ngân hàng BIDV:	800,000,000
3. Thuế GTGT còn được khấu trừ:	14,000,000
4. Nợ vay NH:	500,000,000
<i>Biết khoản vay bắt đầu từ ngày 15/06/2020, thời hạn 5 năm, lãi suất cố định 12%/năm</i>	
5. Tiền lương chưa trả người lao động T12/2021:	88,588,325
6. Tiền bảo hiểm T12/2021 chưa trả:	74,262,500
<i>a. BHXH</i>	<i>57,125,000</i>
<i>b. BHYT</i>	<i>10,282,500</i>
<i>c. BHTN</i>	<i>2,285,000</i>
<i>d. KPCĐ</i>	<i>4,570,000</i>
7. Tiền thuế TNCN chưa trả:	10,776,175
8. Da nguyên liệu túi xách 25m:	2,500,000
9. Nợ người bán (Cty B):	30,000 000
10. Máy may liên hợp:	336,000 000
<i>Biết máy may dệt bắt đầu tính khấu hao từ 01/10/2020, thời gian khấu hao là 7 năm</i>	
11. Phần mềm kế toán:	250,000,000
<i>Biết phần mềm kế toán bắt đầu tính khấu hao từ 01/03/2020, thời gian khấu hao là 5 năm</i>	
12. Laptop 10 cái:	80,000,000
13. Giày lao động 100 đôi:	20,000,000
14. Túi xách nữ thời trang tại kho hàng hóa 100 cái:	20,000,000
15. Áo đồng phục công nhân 500 cái:	35,000,000
16. Khách hàng (Cty A) nợ:	35,000,000
17. Khấu hao lũy kế:	X
18. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	Y
19. Sản phẩm dở dang 15 cái:	1,635,000
20. Quỹ phúc lợi:	20,000,000

21. Vốn đăng ký kinh doanh: 500,000,000

II. Tình hình phát sinh trong năm 2022 như sau:**1. Ngày 03/01/2022**

Mua nhập kho da nguyên liệu 100m trị giá chưa thuế 22,000,000 theo phiếu nhập kho số PN22.0001, thuế GTGT là 10% theo hóa đơn số HC001 của Cty C, Chi phí vận chuyển bốc dỡ vật liệu đã có thuế theo hóa đơn GTGT 10% số HG22.034 là 110,000 đã trả bằng tiền mặt theo phiếu chi số PC22.001.

2. Ngày 05/01/2022

Mua máy chiếu cho phòng họp công ty theo hóa đơn GTGT có VAT 10% số TG004, tổng giá trị là 110,000,000. Chi phí vận chuyển theo hóa đơn GTGT 10% số HDFV001 được trả bằng tiền mặt theo phiếu chi số PC22.002, với tổng giá trị thanh toán là 1,500,000, Các chi phí khác trước khi đưa vào sử dụng được thanh toán bằng tiền mặt 500,000 theo phiếu chi số PC22.003

3. Ngày 08/01/2022

Xuất 15m vật liệu chính, xuất vật liệu phụ 200.000 cho trực tiếp sản xuất sản phẩm theo phiếu xuất số PX22.001

4. Ngày 09/01/2022

Xuất vật liệu chính 35m cho trực tiếp sản xuất sản phẩm theo phiếu xuất số PX22.002

5. Ngày 09/01/2022

Bán 70 túi xách nữ với giá chưa thuế 900,000/Cái theo hóa đơn GTGT 10% số SV22.001 và phiếu xuất số PX22.003

6. Ngày 10/01/2022

Dùng tiền mặt chi quỹ phúc lợi cho công nhân viên 2,000,000 theo phiếu chi số PC22.005

7. Ngày 12/01/2022

Xuất 06 Laptop theo đề nghị xuất kho và phiếu xuất kho số PX22.004, biết thời gian phân bổ 05 tháng, sử dụng cho thống kê xưởng 01 cái, nhân viên kế toán 02 cái, nhân viên Marketing 02 cái, trưởng phòng KD 01 cái.

8. Ngày 12/01/2022

Xuất 10 đôi dày lao động và 10 áo đồng phục lao động cho công nhân sản xuất, theo phiếu xuất kho số PX22.005

9. Ngày 15/01/2022

Nhận hóa đơn tiền số EVN22001 của tiền điện phải trả cho phân xưởng sản xuất 2,000,000; cho phòng bán hàng 1,000,000; cho phòng kế toán 1,500,000.

10. Ngày 16/01/2022

Chi tiền mặt tạm ứng lương giữa tháng 10%/lương chính cho nhân viên

11. Ngày 18/01/2022

Mua văn phòng phẩm trả bằng tiền mặt theo phiếu chi số PC22.006, dùng cho bộ phận bán hàng 200,000 và bộ phận quản lý doanh nghiệp 400,000

12. Ngày 19/01/2022

Chi tiền mặt tạm ứng công tác cho nhân viên 10,000,000 theo phiếu chi số PC22.007

13. Ngày 20/01/2022

Nhân viên thanh toán tạm ứng:

- Hàng hóa nhập kho theo hóa đơn số SV22.002 với tổng giá trị 8,800,000 bao gồm thuế GTGT 10%
- Chi phí vận chuyển hàng hóa theo hóa đơn VC003 với giá trị chưa thuế là 300,000, thuế GTGT 10%,
- Số tiền mặt còn thừa nhập lại quỹ theo phiếu thu số PT22.001

14. Ngày 21/01/2022

Phải thu khoản bồi thường do bên bán vi phạm hợp đồng 8,000,000 theo biên bản vi phạm số SV22.01/BBVP

15. Ngày 22/01/2022

Kiểm kê hàng hóa tại kho phát hiện thiếu số hàng hóa trị giá 5,000,000 chưa rõ nguyên nhân, kế toán đã lập biên bản kiểm kê số SV22.001/BBKK

16. Ngày 23/01/2022

Đã tìm ra nguyên nhân do thủ kho làm mất hàng, theo quyết định số SV22.001/QĐ của ban giám đốc, thủ kho sẽ phải bồi thường số hàng thiếu 50%, số còn lại tính vào giá vốn.

17. Ngày 24/01/2022

Nhận biên bản phạt chậm nộp thuế môn bài năm 2022 là 25,000

18. Ngày 31/01/2022

Hoàn thành 300 sản phẩm đã được QC và QA xác nhận đạt chuẩn, và đã nhập kho hàng hóa theo số PN22.002, biết rằng giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ 4,000,000.

19. Ngày 31/01/2022

Xuất bán 100 sản phẩm với đơn giá 850,000/cái theo hóa đơn HĐ GTGT SV22.007

Yêu cầu:

1. Tính X, Y
2. Thực hiện các nghiệp vụ kế toán phải làm cuối tháng
3. Lập các loại tờ khai thuế
4. Hạch toán các nghiệp vụ
5. Lập báo cáo tài chính cho tháng 01 năm 2022.

Danh mục quản lý nhân viên

Stt	Mã NV	Tên NV	Chức vụ	Bộ phận	Lương chính	Số người phụ thuộc	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp tiền ăn trưa	Tạm ứng
1	NV001	Nguyễn Văn A1	CN SX	Sản xuất	11,000,000	0	0	500,000	
2	NV002	Nguyễn Văn A2	CN SX	Sản xuất	9,000,000	3	0	500,000	
3	NV003	Nguyễn Văn A3	NV bảo trì	Sản xuất	12,000,000	0	0	500,000	
4	NV004	Nguyễn Văn A4	Quản đốc	Sản xuất	30,000,000	4	700,000	500,000	
5	NV005	Nguyễn Văn A5	TP KD	Bán hàng	8,000,000	0	1,000,000	500,000	
6	NV006	Nguyễn Văn A6	NVBH	Bán hàng	10,500,000	2	0	500,000	
7	NV007	Nguyễn Văn A7	NVBH	Bán hàng	15,000,000	1	0	500,000	
8	NV008	Nguyễn Văn A8	KTT	Quản lý	35,000,000	0	1,800,000	500,000	
9	NV009	Nguyễn Văn A9	KTV	Quản lý	10,000,000	3	0	500,000	
10	NV010	Nguyễn Văn A10	GĐ	Quản lý	55,000,000	2	3,000,000	500,000	
11	NV011	Nguyễn Văn A11	PGĐ	Quản lý	25,000,000	1	1,500,000	500,000	
TỔNG CỘNG					220,500,000	0	8,000,000	5,500,000	

Sổ phụ ngân hàng TK tháng 01.2022

STT	SỐ GIAO DỊCH	NGÀY GIAO DỊCH	SỐ TÀI KHOẢN	POS HOẠCH TOÁN	GHI NỢ	GHI CÓ	DƯ CUỐI NGÀY	DIỄN GIẢI
1	BFP0153	01/01/2022	67910000322145	HOI SO BIDV		50,000,000	850,000,000	Cty A trả nợ cũ 35trieu và cọc tiền đặt mua túi xách 15trieu
2	BFP0154	03/01/2022	67910000322145	PGD BIDV	22,000,000		828,000,000	Thanh toán tiền mua hàng Cty C theo hóa đơn HC001.
3	BFP0154	05/01/2022	67910000322145	PGD BIDV	88,588,325		739,411,675	Chi trả tiền lương T12/2021
4	BFP0155	06/01/2022	67910000322145	PGD BIDV	10,000,000		729,411,675	Chủ TK rút tiền mặt
5	BFP0156	20/01/2022	67910000322145	HOI SO BIDV	2,025,000		727,386,675	Nộp thuế môn bài và tiền chậm nộp thuế
6	BFP0157	28/01/2022	67910000322145	PGD BIDV		350,000	727,386,675	Nhập lãi tiền gửi vào gốc - 67910000322145
7	BFP0158	28/01/2022	67910000322145	PGD BIDV	11,000		727,725,675	Phí dịch vụ SMS T1/2022
8	BFP0159	28/01/2022	67910000322145	PGD BIDV	12,833,000		714,892,675	Thanh toán tiền nợ gốc và lãi khoản vay 500trieu